

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 08- 5 - 2026

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sầm Thị Tươi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Trọng Trung và bà Vi Thị Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tráng Kháy Phìn - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Trịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2026, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 8 - Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2026/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2026 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Âu Thị S.

Số căn cước công dân: 010179004852.

Địa chỉ: Thôn É, xã V, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lưu Hồng S1.

Số căn cước công dân: 040097024082.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn É, xã V, tỉnh Lào Cai.

Địa chỉ để Tòa án liên hệ: Xóm H, xã N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt (Có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện và bản tự khai cùng ngày 02 tháng 3 năm 2026, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Âu Thị S và anh Lưu Hồng S1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 05/10/2022 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An (Nay là xã N, tỉnh Nghệ An). Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sinh sống tại thôn É, xã V, tỉnh Lào Cai hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh S1 chơi bời, nghiện ma túy nên bị áp dụng

biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Lào Cai thời hạn 12 tháng từ ngày 24/9/2024 đến 24/9/2025 thì anh S1 chấp hành xong quyết định cai nghiện. Sau khi anh S1 chấp hành xong quyết định cai nghiện, trở về địa phương thì anh S1 vẫn không thay đổi, chị S nói thì anh S1 chửi chị S. Chị S đã báo ban hòa giải của thôn hòa giải nhưng không thành, từ tháng 11/2025 anh S1 đi làm ăn và chỉ thỉnh thoảng mới về nhà nhưng khi chị S nói thì lại đi. Nay chị S xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lưu Hồng S1.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng chị không có con chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Quá trình chung sống, vợ chồng chị không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Quá trình chung sống, vợ chồng chị không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ gì nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp.

2. Ý kiến của bị đơn: Tại đơn trình bày ý kiến và đề nghị xét xử vắng mặt ngày 29 tháng 3 năm 2026; Đơn đề nghị ngày 09 tháng 4 năm 2026. Bị đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lưu Hồng S1 và chị Âu Thị S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 05/10/2022 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An (Nay là xã N, tỉnh Nghệ An). Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống cùng với nhau tại thôn É, xã V, tỉnh Lào Cai sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và làm ăn kinh tế, do chênh lệch tuổi tác nên chung sống không hòa thuận, không hạnh phúc. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên từ tháng 11/2025 đến nay vợ chồng anh đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau nữa. Đơn khởi kiện chị S trình bày thì anh S1 không có ý kiến gì. Anh S1 hoàn toàn đồng ý ly hôn với chị S và anh đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh được ly hôn theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng anh không có con chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Quá trình chung sống, vợ chồng anh không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Quá trình chung sống, vợ chồng anh không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ gì nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh S1 bận công việc cá nhân nên anh đề nghị Tòa án không hòa giải vụ án này mà đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Anh S1 đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh tại các phiên tòa, phiên họp giải quyết, xét xử vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều không yêu cầu Tòa án tiến hành hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật nên Tòa án không tiến hành hòa giải.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), thụ lý vụ án, thông báo việc thụ lý vụ án cho các đương sự và Viện kiểm sát theo đúng quy định tại các Điều 195, 196 BLTTDS. Xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS. Các văn bản tố tụng được tổng đạt đầy đủ cho đương sự và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định tại các Điều 96, 97, 170, 171, 175, 177, 179, 204, 205, 207, 208, 209, 210, 211 BLTTDS. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định tại Điều 203 BLTTDS; chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định tại Điều 220 BLTTDS. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 49, Điều 51 BLTTDS. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS (có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa)

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2025), Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Âu Thị S.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Âu Thị S ly hôn anh Lưu Hồng S1.

- Về án phí: Nguyên đơn chị Âu Thị S được miễn tiền án phí sơ thẩm.

Tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá, nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Âu Thị S yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án “Ly hôn” với anh Lưu Hồng S1 có địa chỉ nơi cư trú: Thôn É, xã V, tỉnh Lào Cai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Lào Cai. Bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt hợp lệ. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Âu Thị S và anh Lưu Hồng S1 là hợp pháp. Chị Âu Thị S và anh Lưu Hồng S1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 05/10/2022 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An (Nay là xã N, tỉnh Nghệ An). Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sinh sống tại thôn É, xã V, tỉnh Lào Cai. Vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ngoài ra còn do anh S1

nghiện ma túy, bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Lào Cai thời hạn 12 tháng, từ ngày 24/9/2024 đến 24/9/2025 thì anh S1 chấp hành xong quyết định cai nghiện, trở về địa phương sinh sống thì vợ chồng tiếp tục không hòa thuận, không hạnh phúc. Từ tháng 11/2025, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau nữa. Mâu thuẫn vợ chồng đều được anh chị xác nhận. Nay chị S xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho hôn với anh S1. Anh S1 hoàn toàn đồng ý ly hôn với chị S. Như vậy, tình trạng hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị S yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh S1 và anh S1 cũng đồng ý ly hôn với chị S là có căn cứ nhưng anh S1 vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Âu Thị S được ly hôn với anh Lưu Hồng S1.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, chị Âu Thị S và anh Lưu Hồng S1 không có con chung nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và công nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị Âu Thị S dân tộc Tày ở thôn É, xã V, tỉnh Lào Cai là thôn đặc biệt khó khăn, xã vùng III và có đơn đề nghị miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án. Hội đồng xét xử căn cứ miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Âu Thị S là phù hợp.

[6] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo đối với Bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử căn cứ xem xét chấp nhận theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Âu Thị S và anh Lưu Hồng S1.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn chị Âu Thị S.

3. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 8 - Lào Cai (2);
- Phòng THADS khu vực 8 - Lào Cai;
- UBND xã Võ Lao, tỉnh Lào Cai;
- Lưu: HS, THS (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sâm Thị Tươi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Sâm Thị Tươi

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Văn Bàn (2);
- CCTHADS huyện Văn Bàn;
- UBND xã Nàn Sán
và UBND xã Quan Hồ Thần,
huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai;
- Lưu: HS, THS (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sâm Thị Tươi

